

« Quân-tử bất ưu, bất cự 君子不憂, 不懼 : quân-tử không lo không sợ » (*Luận-ngữ : Nhan-Uyên, XII*). Người quân-tử làm việc gì cũng theo đạo-lý, tự xét trong bụng không có hối-hận thì còn lo và sợ gì nữa.

« Quân-tử ưu đạo bất ưu bần 君子憂道不憂貧 : quân-tử lo đạo, không lo nghèo » (*Luận-ngữ : Vệ Linh-công, VI*). Người quân-tử lấy sự học đạo làm gốc, cho nên chỉ lo không đạt tới đạo, chứ không lo có lợi-lộc hay không có lợi-lộc.

« Quân-tử bất khi 君子不器 : quân-tử tùy nghi làm việc gì cũng được, chứ không chỉ có một tài một nghệ mà thôi » (*Luận-ngữ : Vi-chính, II*). Khi là cái đồ dùng về một việc gì, chứ không dùng làm các việc khác được. Người quân-tử không như thế, dùng làm được cả mọi việc.

« Quân-tử cang nhi bất tranh, quần nhi bất đảng 君子矜而不爭, 羣而不黨 : quân-tử nghiêm-trang mà không tranh với ai, hợp quần với mọi người mà không bè-đang » (*Luận-ngữ : Vệ Linh-công, XV*). Quân-tử tự mình nghiêm-nghị theo cái lý công-nhiên mà đối với người, chứ không thiên-tư, cho nên không tranh-giành với ai. Xử với người thì thân-ái cả mọi người, không vị tình riêng mà a-tùng theo đảng, theo bọn, để cầu lợi riêng.

« Quân-tử vô sở tranh, tất giả xạ hồ ! Ấp nhượng nhi thắng, hạ nhi ẩm, kỳ tranh giả quân-tử 君子無所爭, 必也射乎 ! 揖讓而升, 下而飲, 其爭也君子 : quân-tử không tranh gì cả, mà có tranh nữa, thì ắt là như việc bắn thì chẳng ! Vái-nhường rồi mới lên thềm, xuống thềm mới nhau uống rượu, sự tranh ấy là sự tranh quân-tử ». (*Luận-ngữ : Bát-dật, III*). Người quân-tử có vi đạo-lý mà tranh-luận điều gì, thì cũng theo cái nghĩa lễ-nhượng cung-kính để không mất đạo trung. Tranh-luận mà vẫn ung-dung khiêm-tốn như lễ tập bắn đời xưa, nghĩa là tranh nhau, nhưng vẫn giữ cách tranh nhau của người quân-tử, chứ

không như cách tranh nhau của kẻ tiểu-nhân, lấy tư-tình khách-khí mà đối với người.

« Quân-tử dục nội ư ngôn, nhi mẫn ư hành 君子欲訥於言, 而敏於行 : quân-tử muốn nói thì chậm mà làm thì nhanh » (*Luận-ngữ : Lý-nhân, IV*). Nói thì dễ mà hay hổng ở chỗ nói quá sự thực ; làm thì khó mà hay hổng ở chỗ làm không cố hết sức, bởi vậy người quân-tử muốn nói chậm mà làm nhanh.

« Quân-tử trịnh nhi bất lượng 君子貞而不諂 : quân-tử cố giữ điều ngay-chính mà không cố-chấp những điều tiểu-tin » (*Luận-ngữ : Vệ Linh-công, XV*). Quân-tử giữ bền cái chí theo lẽ công-chính, không bao giờ thay-đổi, cho nên gọi là trịnh, và không khăng khăng một mực cố-chấp một điều tiểu-tin, cho nên gọi là bất lượng.

Quân-tử thượng giao bất siểm, hạ giao bất độc 君子上與不始, 下交不致 : quân-tử giao với người trên thì không nịnh, giao với người dưới thì không nhâm. » (*Dịch : Hệ-từ hạ*). Giao với người trên thì kính, nhưng kính quá thành ra siểm ; giao với người dưới thì hòa, nhưng hòa quá thành ra nhâm. Người quân-tử không siểm và không nhâm.

Quân-tử kiến cơ nhi tác 君子見幾而作 : quân-tử xem cơ-màu mà động-tác » (*Dịch : Hệ-từ hạ*). Cơ là phần tinh-vi nảy ra lúc sắp động, người quân-tử phải xem-xét suy-nghĩ cho cẩn-thận, để lúc làm việc gì thì biết rõ cái cơ có làm được hay không. Có cái cơ làm được mà không làm là đại, chưa có cái cơ làm được mà làm cũng là đại, không phải là người quân-tử.

Quân-tử kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phượng ngoại 君子敬以直內, 義以方外 : quân-tử chủ ở sự kính để giữ cái bụng cho thẳng, giữ điều nghĩa để khiến các việc ở ngoài cho có khuôn-phép » (*Dịch : Văn-ngôn truyện*). Kính là chủ ở sự hàm-dưỡng ở trong bụng cho ngay-chính, nghĩa là chủ ở sự thi-thố ra ngoài cho hợp đạo-lý.

« Quân-tử chi ư thiên-hạ giả, vô thích giả, vô mịch giả, nghĩa chi dĩ tĩ 君子之於天下也, 無適也, 無莫也, 義之與比: quân-tử đối với việc thiên-hạ, không chuyên-chủ một việc nào, không cố-chấp không làm một việc nào, cứ theo cái công-chính mà làm mọi việc » (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV). Thích là có việc không nên làm mà cứ chuyên-chủ làm cho được; mịch là có việc nên làm mà cứ theo cái tư-ý cố-chấp không làm. Thích với mịch đều trái với nghĩa. Người quân-tử thì không thế, đối với việc trong thiên-hạ cứ theo cái nghĩa mà làm, chứ không khăng khăng một mực giữ cái tư-ý định trước. Vậy nên việc của người quân-tử làm bao giờ cũng công-chính.

« Quân-tử nghĩa dĩ vi chất: lễ dĩ hành chi, tổn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi, quân-tử tại! 君子義以為質: 禮以行之, 孫以出之, 信以成之, 君子哉! quân-tử lấy nghĩa làm cốt: lấy lễ mà làm, lấy khiêm-tốn mà thi-thổ ra, lấy lòng tin mà thành-tựu, thật là quân-tử vậy thay! » (Luận-ngữ: Vệ Linh công, XV). Nghĩa là cái gốc của muôn sự, cho nên bao giờ cũng phải lấy nghĩa làm cốt. Làm điều nghĩa thì cần có tiết văn, thi-thổ điều nghĩa ra thì cần có tổn-nhượng, thành được điều nghĩa là ở sự thành-thực. Đó mới thật là việc người quân-tử.

« Quân-tử động nhi thế vi thiên-hạ đạo, hành nhi thế vi thiên-hạ pháp, ngôn nhi thế vi thiên-hạ tắc, viễn chi tắc hữu vọng, cận chi tắc bất yểm 君子動而世為天下道, 行而世為天下法, 言而世為天下則, 遠之則有望, 近之則不厭: quân-tử cử-động có thể đời đời làm đạo cho thiên-hạ, hành-vi có thể đời đời làm khuôn-phép cho thiên-hạ, nói-năng có thể đời đời làm chuẩn-tắc cho thiên-hạ, người ở xa có trông-mong, người ở gần không bao giờ chán » (Trung-dung).

« Quân-tử chi đạo, đạm nhi bất yểm, giản nhi văn, ôn nhi lý 君子之道, 淡而不厭, 簡而文, 溫而理: đạo của

quân-tử nhạt mà không chán, giản-dị mà có văn-vẻ, ôn-hòa mà hợp-lý. » (Trung-dung). Đạo của quân-tử mới đầu tưởng là đạm-bạc, nhưng lâu càng hiểu ra càng lấy làm hay, cho nên không chán; đạo ấy giản-dị mà biện-biệt rõ các nghĩa-lý, cho nên mới có văn; ôn-nhuận mà chính-trực cho nên mới hợp lý.

Đạo quân-tử cao-thâm thanh-nhã như vậy, ai muốn theo thì phải lập chí mà học-tập. Khổng-tử nói rằng: « Quân-tử bất trọng, tắc bất uy, học tắc bất cố. Chủ trung tín, vô hữu bất như kỷ giả, quá tắc vật đản cải 君子不重, 則不威, 學則不固. 主忠信, 無友不如己者, 過則勿憚改: quân-tử không hậu-trọng thì không uy-nghiêm, học không kiên-cố. Chủ ở sự trung-tín, không bạn với người không làm điều nhân như mình, có điều lỗi thì chớ sợ tìm cách mà sửa-đổi » (Luận-ngữ: Học-nhi, I). Quân-tử phải gây nuôi lấy phần thâm-hậu ở trong cho trịnh-trọng, thì rồi cái sáng-điều ở ngoài mới có vẻ uy-nghiêm và sự học của mình mới được kiên-cố. Nếu ở trong mà khinh-phú thì ở ngoài không có uy-nghiêm mà sự học của mình không có gì là chắc chắn. Giữ được như thế rồi, cứ lấy trung-tín làm chủ, tìm bạn hay hơn mình mà học-tập, hễ thấy mình có điều gì sai-lầm là phải sửa-đổi ngay. Ấy là cách học tập và tu-dưỡng rất hay vậy.

Người quân-tử hành đạo cốt ở thân mình, làm việc gì sai-lầm là mình phải tự trách mình, tựa như người đi tập bắn, bắn không trúng bia là tại mình ngắm không ngay. Vậy nên Khổng-tử nói: « Xạ hữu tự hồ quân-tử, thất như chính học, phản cầu chư kỳ thân 射有似乎君子, 失諸正鵠, 反求諸其身: người tập bắn cũng tựa như người quân-tử, bắn không trúng bia thì tự xét lại mình » (Trung-dung).

Người quân-tử thấy điều thiện là phải cố làm cho được, thấy điều ác thì phải sợ-hãi, như lời cổ-nhân đã nói: « Kiến thiện như bất cập, kiến bất thiện như thám thang 見

善如不及, 見不善如探湯: thấy điều thiện phải cố làm như là theo không kịp, thấy điều bất thiện thì phải sợ-hãi như thò tay vào nước sôi» (Luận-ngữ: Qui-thị, XVI).

Học làm quân-tử thì phải thành-thực, không bao giờ tự mình dối mình mà làm hại cái biết của mình. Khổng-tử nói: «Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri giả 知之為知之, 不知為不知, 是知也: cái gì biết thì cho là biết, cái gì không biết thì chịu là không biết, ấy là biết vậy» (Luận-ngữ: Vi-chính, II). Sự-lý trong thiên-hạ vô cùng, ta không thể biết hết được. Vậy cái gì quả thật ta biết thì ta nhận là biết; cái gì ta không biết thì ta không nhận là biết. Như thế tuy có điều ta không biết, nhưng cái bản tâm của ta vẫn không tự khi, mà cái bản-thể chân-thực của sự biết cũng không bị mờ-tối, ấy là sự biết đó rồi. Lấy cái tâm thành-thực ấy mà đối với sự học-vấn để biện-biệt sự phải-trái, để suy-nghĩ điều hay dở, thì sự biết của ta mới có thể tiến được.

Muốn là quân-tử thì phải giữ đủ cả phần chất-phác ở trong và phần văn-hoa ở ngoài, đừng để chênh-lệch về phần nào. Khổng-tử nói: «Chất thẳng văn tắc dã, văn thẳng chất tắc sử; văn chất bán bán, nhiên hậu quân-tử 質勝文則野, 文勝質則史; 文質彬彬, 然後君子: chất hơn văn thì quê mùa, văn hơn chất thì kém lòng thành-thực, văn chất đều đều nhau, nhiên-hậu mới thật là quân-tử» (Luận-ngữ: Ung-giã, VI). Chất-phác mà quá hơn văn-vẻ là thô-lỗ, văn-vẻ mà quá hơn chất-phác là hào-nháng bề ngoài, trong không có gì là thực, bởi vậy phải có văn và có chất đều nhau, đừng để bên nọ hơn bên kia, thì mới thật là quân-tử vậy.

Người quân-tử thật là hoàn-toàn thì rất khó. Thầy Tử-Lộ hỏi Khổng-tử thế nào là người hoàn-toàn, Ngài nói rằng: «Kiến lợi tư nghĩa, kiến nguy thụ mệnh, cứu yêu bất vong bình sinh chi ngôn, diệc khả dĩ vi thành nhân hĩ 見利

見義, 見危授命, 久要不忘平生之言, 亦可以為成人矣: thấy lợi nghĩ đến nghĩa, thấy sự nguy-cấp thì trao mệnh mình mà chống lại, lời giao-ước đã lâu năm mà không quên, người ấy cũng khá cho là người hoàn-toàn vậy». (Luận-ngữ: Hiến-vấn, XIV). Thầy Nhan Uyên hỏi cái đức-hạnh của người hoàn-toàn là thế nào, Khổng-tử nói rằng: «Thành nhân chi hạnh, đạt hồ tình tình chi lý, thông hồ vật loại chi biến, tri u minh chi cố, đồ du khí chi nguyên, nhược thử khả tắc vi thành nhân. Kỳ tri thiên-đạo, hành thân dĩ nhân-nghĩa, sức thân dĩ lễ nhạc. Phù nhân-nghĩa lễ nhạc, thành nhân chi hạnh giả, cùng thần tri hóa, đức chi thịnh giả 成人之行, 達乎情性之理, 通乎物類之變, 知幽明之故, 睹遊氣之源, 若此可則謂成人. 既知天道, 修身以仁義, 飾身以禮樂. 夫仁義禮樂, 成人之行也, 習神知化, 德之盛也: đức hạnh của bậc thành nhân là: đạt cái lý của tình-tình, suốt cái biến của vật loại, biết cái cố u-minh, rõ cái nguồn du-khí (như là sống chết hồn phách), như thế gọi là bậc thành nhân. Đã biết đạo Trời, lại đem mình làm những điều nhân-nghĩa, trang-sức mình bằng lễ nhạc. Nhân-nghĩa lễ-nhạc là cái hạnh của bậc thành nhân, cùng thần tri hóa, cái đức đến thế thật là thịnh vậy» (Khổng-tử tập-ngữ: Sở phạt Trần XVIII) (1).

Cái phẩm-giá của bậc người quân-tử hoàn-toàn cao như thế, sự học-vấn rộng như thế, không thể lấy cái tư-cách của hạng người tầm-thường chỉ bo bo những việc thiên-cận trước mắt mà vi được. Vậy nên người đi học, muốn theo đạo của người quân-tử cần phải cố-gắng lắm.

II. SỰ HỌC-VẤN VÀ CÁCH THAO-THỦ CỦA NGƯỜI QUÂN-TỬ

Sự học-vấn. Cái chủ-đích của Khổng-giáo là để dạy

(1) Sách Khổng-tử tập-ngữ, 3 quyển của Tiết Cự 薛據 đời Tống nhặt những lời nói của Khổng-tử trong các sách mà làm ra. Đến đời Thanh lại có Tôn Tinh-Diển 孫星衍 làm lại là 17 quyển.

người ta cho thành người nhân-nghĩa trung-chính, tức là người quân-tử. Song có dạy mà không có học, thì dầu sự dạy hay thế nào mặc lòng, cũng không sao thành công được. Vậy nên Khổng-giáo lấy sự học làm một điều rất trọng-yếu.

Sự học của cổ-nhân không phải như sự học của số nhiều người thường ngày nay vẫn hiểu. Cổ-nhân nói học là cốt học đạo của thánh-hiền để hiểu nghĩa-lý, biết phải trái mà sửa mình cho thành người có đức-hành, chứ không chỉ vụ lấy biết nghề kiếm ăn. Sách *Lễ ký* nói rằng «Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học, bất tri đạo 玉不琢不成器, 人不學不知道 : ngọc không giũa không thành đồ, người không học không thành đạo». (*Học-ký*, XVIII). Bởi vậy cho nên thầy Tử-Lộ mới nói : «Quân-tử học dĩ tri kỳ đạo 君子學以致其道 : người quân-tử học để hiểu rõ cái đạo». (*Luận-ngữ* : Tử-Trương, XIV). Người ta học có hiệu tới đạo, thì mới biết đến đạo-thực, để cái phẩm-giá đạo-đức hơn người thường.

Sự học của quân-tử sở-chủ ở điều gì? Khổng-tử dạy người ta phải giữ cái tâm cho trung-chính và việc làm cho thành-thực, để sự biết và việc làm hợp làm một, trong ngoài không có hai. Ngài nói : «Quân-tử tiến đức tu nghiệp, Trung tín, sở dĩ tiến đức giả : tu từ, lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp giả. Tri chí chí chí, khả dữ cơ giả ; tri chung chung chí, khả giữ tồn nghĩa giả 君子進德修業. 忠信, 所以進德也 ; 修辞, 立其誠, 所以居業也. 知至至之, 可與幾也 ; 知終終之, 可與存義也 : quân-tử tiến đức tu nghiệp. Trung-tín là để tiến đức ; tu tình ngôn từ, lập cái thành-thực của mình, là để giữ vững cái nghiệp vậy. Biết chỗ đến mà đến chỗ ấy, là có thể gần cái đức ; biết chỗ cuối-cùng mà suốt đời giữ vững là có thể giữ cho còn cái nghĩa vậy». (*Dịch* : Văn-ngôn truyện). Lời ấy thật là quan-trọng, chữ nho thường cho là sự trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, đều căn-bản ở đó. Trung-tín chủ ở

tâm ; tu từ, lập kỳ thành chủ ở sự thực-hành. Tri chí chí chí là việc tiến đức, tức là trí tri ; tri chung chung chí là việc tu nghiệp, tức là lực-hành. Tri chí là biết cái chỗ đến của đạo ; chí chí là thực-hành mà nghiệm cái biết của mình. Tri chung là thấy rõ chỗ cùng-cực của đạo ; chung chí là cố lực-hành cho đến chỗ qui-túc, nghĩa là chỗ trọn đời ở mãi được. Ấy là tri mà hành, hành mà tri, hai bên giao với nhau mà cảnh-phát lẫn nhau, thì cái đạo càng ngày càng sáng rõ. Đó thật là cái thi-chung việc học của quân-tử.

Sự học ấy cần phải lấy sự học đạo làm đầu và lấy sự học nghệ-thuật làm thứ. Khổng-tử nói : «Đệ-tử nhập tào hiếu, xuất tào để, cần nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn 弟子入則孝, 出則弟, 謹而信, 汎愛衆而親仁, 行有餘力, 則學文 : người đi học vào thì hiếu, ra thì để, cần mà tin, yêu mến mọi người mà thân-cận người có nhân, làm được những điều ấy rồi có thừa sức thì mới học văn». (*Luận-ngữ* : Học-nhi, I). Chữ văn đây nói gồm cả lục nghệ là : lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, tức là cái nghệ-thuật của người ta thực-hành ở đời vậy.

Cái học hoàn-toàn của Khổng-giáo nói rút lại là : «Chí ư đạo, cử ư đức, y ư nhân, du ư nghệ 志於道, 據於德, 依於仁, 游於藝 : để chí vào cái đạo, giữ lấy cái đức, tựa vào cái nhân, ưu-du ở nghệ-thuật». (*Luận-ngữ* : Thuật-nhi, VII). Nghĩa là cái đạo của Khổng-tử không phải là chỉ học đạo-đức mà thôi, nhưng vẫn chuộng cả sự tinh-thông lục nghệ để sinh-hoạt ở đời nữa.

Người quân-tử bao giờ cũng muốn có đức, song phải có học, thì các đức mới thật là tốt, là hay. Khổng-tử nói : «Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tể giả ngu ; hiếu tri bất hiếu học, kỳ tể giả đãng ; hiếu tín bất hiếu học, kỳ tể giả lạc ; hiếu trực bất hiếu học, kỳ tể giả giáo ; hiếu dũng bất hiếu

học, kỳ tế giả loạn; hiểu cương bất hiểu học, kỳ tế giả cuồng 好仁不好學, 其蔽也愚; 好知不好學, 其蔽也蕩; 好信不好學, 其蔽也賊; 好直不好學, 其蔽也絞; 好勇不好學, 其蔽也亂; 好剛不好學, 其蔽也狂: muốn nhân mà không muốn học thì bị cái che-mờ là ngu; muốn trí mà không muốn học thì bị cái che mờ là cao-kỳ thái-quá; muốn tin mà không muốn học thì bị cái che-mờ là hại nghĩa; muốn trực mà không muốn học thì bị cái che-mờ là ngang-ngạnh; muốn dũng mà không muốn học thì bị cái che-mờ là loạn; muốn cương mà không muốn học thì bị cái che-mờ là táo-bạo khinh-suất». (Luận-ngữ: Dương-hóa, XVII). Nhân, trí, tin, trực, dũng, cương, đều là đức tốt, nhưng chỉ muốn có những đức ấy mà không muốn học để hiểu cho rõ cái lý thế nào mới thật là hay là phải, thì muốn nhân lại bị lòng ái che-mờ làm cho thành ra ngu; muốn trí lại bị cái trí làm cho muốn cái cùng cao cực viển, thành ra đặng; muốn tin lại bị cái tin làm cho hẹp-hòi cố-chấp thành ra hại nghĩa; muốn trực lại bị cái trực làm cho chương thành ra nóng-nảy ngang-ngạnh; muốn dũng lại bị cái dũng làm cho phóng-từ, thành ra loạn; muốn cương lại bị cái cương làm cho gàn-dở thành ra ngông-cuồng. Như thế là muốn có đức tốt, mà vì không học cho nên thành ra dở. Vậy nên phải cần có học mới biết thế nào là thật nhân, thật trí, thật tin, thật trực, thật dũng, thật cương.

Khổng-tử là người rất chuyên-cần về việc học. Ngài nói: Ngó thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tầm dĩ tư, vô ích, bất như học giả 吾嘗終日不食, 終夜不寢以思, 無益, 不如學也: ta thường suốt ngày không ăn, suốt đêm không ngủ để suy-nghĩ, vô ích, không bằng học». (Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV). Song phải biết rằng học phải có suy-nghĩ thì mới hay, không thì thành ra mờ-tối, không biết được các lẽ. Vậy nên ngài nói: Học nhi bất tư tắc vong, tư nhi bất học tắc đãi 學而不思則罔, 思而不學則殆: học mà không nghĩ thì mờ-tối chẳng hiểu

đi, nghĩ mà không học thì khó-nhọc, mất công không». (Luận-ngữ: Vi-chính, II).

Sự học cũng như việc trồng lúa, có cây lúa mọc lên mà không tốt, có cây tốt mà không có hạt. Người đi học cũng vậy, có người đi học mà không giỏi, có người học giỏi mà cái hạnh không ra gì. Vậy nên người đi học cần phải cố-gắng để sửa mình cho thành người có tài-năng và có đức-hạnh. Sự cố-gắng ấy là một điều trọng-yếu trong sự học. Sách Trung-dụng nói rằng: «Bác học chi, thâm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi. Hữu phát học, học chi phát năng, phát thổ giả. Hữu phát vấn, vấn chi phát trí, phát thổ giả. Hữu phát tư, tư chi phát đắc, phát thổ giả. Hữu phát biện, biện chi phát minh, phát thổ giả. Hữu phát hành, hành chi phát đốc, phát thổ giả. Nhân nhất năng chi, kỷ bách chi; nhân thập năng chi, kỷ thiên chi. Quả năng thử đạo hỷ, tuy ngu tất minh, tuy nhu tất cường 博學之, 審問之, 慎思之, 明辨之, 篤行之. 有弗學, 學之弗能, 弗措也. 有弗問, 問之弗知, 弗措也. 有弗思, 思之弗得, 弗措也. 有弗辨, 辨之弗明, 弗措也. 有弗行, 行之弗篤, 弗措也. 人一能之, 己百之; 人十能之, 己千之. 果能此道矣, 雖愚必明, 雖柔必強: học cho rộng, hỏi cho kỹ, nghĩ cho cần-thận, phân-biện cho sáng rõ, làm cho hết sức. Có điều không học, nhưng đã học điều gì mà không hay, không thôi. Có điều không hỏi, nhưng đã hỏi điều gì mà không biết, không thôi. Có điều không nghĩ, nhưng đã nghĩ điều gì mà không được, không thôi. Có điều không phân-biện, nhưng đã phân-biện điều gì mà không minh-bạch, không thôi. Có điều không làm, nhưng đã làm điều gì mà không hết sức, không thôi. Người ta dụng công một, ta dụng công một mà không được, thì phải cố-gắng gấp trăm; người ta dụng công mười, ta dụng công mười mà không được, thì phải cố-gắng gấp nghìn, để đến kỳ được mới thôi. Nếu quả theo được đạo ấy, thì tuy ngu

rồi cũng thành ra sáng, yếu-đuối rồi cũng thành ra khỏe-mạnh. » Mạnh - mẽ thay lời dạy-bảo của thánh-nhân! Ai lập chí học được như thế, thì sự học tiến-ích biết là bao nhiêu! Đã đi học là phải lập chí thì mới thành. Cái chí đã lập thì bao giờ cũng phải cho kiên, không thấy khó mà sợ, không thấy lâu mà nản. Khổng - tử nói: « Tam quân khả đoạt sủy giả, thất-phu bất khả đoạt chí giả 三軍可奪帥也,匹夫不可奪志也: có thể bắt được người tướng trong đám ba quân, mà không có thể cướp được cái chí của một đứa thất-phu ». (Luận-ngữ: Tử-hân, IX). Cái chí người ta có bền như thế thì mới học được đạo và tu được thân vậy.

Người đi học phải biết rằng: « Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu chi giả bất như nhạo chi giả 知之者不如好之者,好之者不如樂之者: biết mà học không bằng thích mà học, thích mà học không bằng vui - say mà học ». (Luận-ngữ: Ung-giả, VI). Có vui-say về việc học thì sự học mới chóng tiến-ích. Muốn cho sự học có vui-thú, thì phải luyện-tập luôn. Khổng-tử nói: « Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ? Nhân bất tri nhi bất uấn, bất diệc quân-tử hồ? 學而時習之,不亦說乎?有朋自遠方來,不亦樂乎?人不知而不慍,不亦君子乎?: học mà cứ buổi buổi tập luôn thì trong bụng lại không thỏa-thích hay sao? Có bạn ở phương xa nghe tiếng đến học làm điều lành với mình, thì lại không vui hay sao? Mình học giỏi mà người ta không biết, cũng không lấy làm tức-giận, thế không phải là quân-tử hay sao? » (Luận-ngữ: Học-nhi, I). Người quân-tử ăn không cầu no, ở không cầu an, làm công-việc thì mau-mắn, nói điều gì thì cẩn-thận, tìm người có đạo mà theo học để chất-chính sự ngôn-ngữ và sự hành-vi của mình. Được như thế mới có thể gọi là người hiếu học: « Quân-tử thực vô cầu bão, cư vô cầu an, mẫn ư sự nhi thận ở ngôn, tịu hữu đạo nhi chính yên, khả vị hiếu học giả dĩ 君子食無求飽,居無求安,敏於事而慎於言,就有道而正焉,可謂好學

也, 己 » (Luận-ngữ: Thuật-nhi, I). Ta đi học là học cho ta, để gây nên cái phẩm-giá của ta, chứ có phải là học để khoe với người đâu. Vậy ta chỉ lo không làm được những việc đáng cho người ta biết, chứ không lo người ta không biết mình: « Bất hoạn nhân chi bất kỷ tri, hoạn kỳ bất năng giả 不患人之不己知,患其不能也 ». (Luận-ngữ: Hiến-vấn, XIV). Học mà không chủ cầu danh, cầu lợi, thì mới thật là cái học của người quân-tử.

Người quân-tử phải học để gây thành cái đức tốt của mình, vậy nên phải chuyên tâm tri ý về sự thực-tiến những điều lành điều hay, chứ không phải là học thơn-thớt ở bề ngoài, nghe vào tai rồi nói ra miệng mà thôi. Cái học thơn-thớt ở bề ngoài ấy rất hại cho cái đức. Khổng-tử nói rằng: « Đạo thính đồ thuyết, đức chi khí giả 道聽塗說,德之棄也: nghe ngoài đường, nói ngoài đường là bỏ cái đức vậy ». (Luận-ngữ: Dương-Hóa, XVII). Nghĩa là nghe điều thiện thì phải ghi-nhớ lấy để nuôi cái đức của mình, rồi mới hay được, chứ chỉ nghe cho biết để nói ra miệng mà không chịu cố - gắng thực - hành điều thiện, thì càng học làm càng dở nhiều. Người đã học đến biết thực-tiến những điều thiện là bao giờ cũng phải thành-thực, không giả-dối ó-mị như bọn ngụy-nho.

Người quân-tử phải theo đạo-lý mà có cái định-kiến của mình, không ó-mị theo thói đời như bọn hương-nguyên. Hương-nguyên là hạng người tầm-thường không có kiến-thức, chỉ a-dua theo người ta. Hạng người ấy thật đáng ghét. Cho nên Khổng - tử nói: « Hương - nguyên đức chi tặc giả 鄉原德之賊也: hương-nguyên là hại đức vậy ». (Luận-ngữ: Dương-Hóa, XVII). Hương là hương-thôn, nguyên là ngay-lành. Hương-nguyên là người hành-động cứ một chiều theo thế-tục, không trái ý ai bao giờ, cư-xử thì giữ gìn cẩn-thận để có điều đáng chê mà không ai lấy gì chê được, có điều đáng bẻ mà không ai lấy gì bẻ được,

cho nên người ở hương-thôn cho là có đức tốt. Kỳ thực người hương-nguyên không phải là trung-tín mà giống như trung-tín, không phải là liêm-khiết mà giống như liêm-khiết, lấy cái giống như làm lẫn cái chính-thực, tức như ngày nay ta gọi là người giả đạo-đức. Những người ấy mượn tiếng đạo-đức mà làm hại đạo-đức, cho nên Khổng-tử rất ghét mà gọi là *đức chi tặc*.

Muốn học cho đúng cái đạo người quân-tử thì phải theo như lời Khổng-tử đã dạy: « *Đốc tin, hiếu học, thủ tử, thiện đạo. Nguy bang bất nhập, loạn bang bất cư, thiên-hạ hữu đạo tắc hiện, vô đạo tắc ẩn. Bang hữu đạo, bản thả tiên yên, sĩ giả; bang vô đạo, phú thả qui yên, sĩ giả* 萬信, 好學, 守死, 善道. 危邦不入, 亂邦不居, 天下有道則見, 無道則隱. 邦有道, 貧且賤焉, 恥也; 邦無道, 富且貴焉, 恥也: đốc lòng tin, ham sự học, giữ cho vững đầu chết không thay-đổi, làm cho cái đạo hay hơn lên (2). Không vào nước đã nguy, không ở nước có loạn (3), đời có đạo thì ra làm mọi việc, đời không có đạo thì ẩn mà sửa mình (4).

(2) Đốc lòng tin là nói hết sức tin cái hay cái tốt của đạo thánh-hiền. Có lòng tin ấy thì mới ham sự học, song có lòng tin mà không học, thì cái tin ấy có khi lầm. Cố thủ tử với đạo, thì mới làm cho đạo hay hơn, tốt hơn lên, song thủ tử mà không làm cho đạo hay hơn, tốt hơn lên, thì thành ra chết uổng mà thôi. Xem vậy thì thủ tử là cái hiệu-quả của lòng đốc tin, mà thiện đạo là cái công-quả của sự hiếu học.

(3) Khổng-tử đã nói: « *Quân-tử kiến nguy thụ mệnh* » nghĩa là người quân-tử thấy có sự nguy-cấp, thì trao cái tính-mệnh của mình mà làm cho hết việc bồn-phận. Song khi đi ra nước khác thấy nước đã sắp đổ, thì không vào. Vì mình vào nước ấy đã không làm được việc gì mà lại hại lây đến mình. Nước loạn tuy chưa nguy, nhưng kỹ-cương rối-loạn, người có tài có đức không thi-thố được, thì chẳng bỏ mà đi còn ở làm gì?

(4) Đời có đạo là có kỹ-cương trật-tự, thì người quân-tử nên ra mà ứng-dụng, đề đem cái đạo thi-bành ra ở đời; nếu đời không có đạo, người quân-tử làm gì không được, thì lui mà sửa mình cho phải đạo, tức như lời Mạnh-tử nói: « *Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên-hạ* » vậy.

Nước có đạo mà mình nghèo và hèn là xấu - hổ; nước không có đạo mà mình giàu và sang là xấu-hổ (5) ». Người quân-tử có học, có thủ: cái chí học-vấn có vững-bền, cái nghĩa lui tới có phân-minh, thì mới thành cái toàn đức vậy.

Tu thân. Người quân-tử cần phải có học, mà sự học của mọi người là cốt ở sự sửa mình, cho nên sách *Đại-học* nói rằng: « *Tự thiên-tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản* 自天子以至於庶人, 壹是皆以修身爲本: tự vua cho đến người dân, ai cũng phải lấy sự sửa mình, làm gốc. » Muốn sửa mình cho thành người có đức - hạnh hoàn-toàn, thì trước phải giữ cái tâm của mình cho chính, cái ý của mình cho thành, rồi mới cách vật tri tri được, nghĩa là hiểu rõ các sự-vật và biết đến cùng-cực cái biết.

Giữ cái tâm của mình cho chính, là đừng để cho sự tức-giận, sự sợ-hãi, sự vui-say, sự tru - hoạn nó làm cho cái tâm của mình chệch-lệch, mà không hiểu rõ cái nghĩa-lý ngay-thẳng. Khi đã bị những sự ấy làm loạn cái tâm của mình thì mắt trông không thấy, tai nghe không hiểu, ăn không biết mùi, bởi thế cho nên bao giờ ta cũng phải giữ cái tâm cho chính.

Giữ cái ý của mình cho thành, tức là mình không dối mình, đối với việc gì cũng cứ thành-thực như ghét mùi thối, yêu sắc đẹp, nghĩa là ý mình thế nào thì cứ thực mà bày-tỏ ra như thế, chứ không có dối-trá chút nào, được như thế mới là khoái-túc. Bởi thế cho nên người quân-tử phải giữ cẩn-thận cái tư-tưởng của mình trong khi ngồi một mình đối với mình: « *Sở vị thành kỳ ý giả, vô tự khi*

(5) Nước có đạo thì những kẻ hiền-tài đều ra ứng-dụng cả, mà mình không làm được gì, phải chịu là hạng người nghèo - hèn, như thế là đáng xấu-hổ. Nước vô đạo thì những kẻ gian - nịnh đắc thế, mà mình không giữ được cái tiết cho trong-sạch, cũng ra giống-vuôi với bọn tiểu - nhân đề lấy sang - giàu, như thế cũng là đáng xấu-hổ.

giã, như ố ác xú, như hiếu hảo sắc, thử chi vị tự khiêm, cố quân-tử tất thận kỳ độc giả 所謂誠其意者, 無自欺也, 如惡惡臭, 如好好色, 此之謂自謙, 故君子必慎其獨也» (Đại-học).

Tâm đã chính, ý đã thành, thì tự-nhiên cái lương-tri lương-năng của mình, tức là cái minh-đức của mình thành ra mẫn-nhuệ, xem-xét điều gì cũng hiểu rõ đến chỗ sâu-xa, mà làm điều gì hay là đối-phó với cảnh-hướng nào cũng đặc kỳ trung, cũng có điều-hòa, có bình-hành, rất hợp với đạo-lý.

Trong việc tu thân, Khổng-giáo lấy sự thành ý làm trọng - yếu hơn cả. Vậy nên Tăng-tử nói: « Phú nhuận ốc, đức nhuận thân, tâm quảng thể bản, cố quân-tử tất thành kỳ ý 富潤屋, 德潤身, 心廣體胖, 故君子必誠其意: giàu thì hiển-hiện ra ở nhà, có đức tốt thì hiển-hiện ra ở người, trong bụng quảng-dãng thì thân-thể có vẻ ung-dung thư-thái. Bởi thế cho nên người quân-tử phải giữ cái ý của mình cho thành-thực» (Đại-học). Cái ý ở trong mà thành-thực thì cái đức hiển-hiện ra ngoài thân-thể. Việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên-hạ đều bởi đó mà ra cả.

Xử kỷ tiếp vật. Người quân-tử đã sửa được mình cho ngay chính, theo như cái tông-chỉ của Khổng-giáo, thì tất ở đời bao giờ cũng phải lấy lòng thành-thực trung-hậu, không làm điều gì trái lẽ thường. Dẫu đối với người thù-oán cũng không bỏ lẽ công-bằng. Có người hỏi Khổng-tử rằng: «Dĩ đức báo oán hà như 以德報怨何如? Lấy đức mà báo oán thì sao?» Ngài trả lời rằng: «Hà dĩ báo đức? Dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đức 何以報德? 以直報怨, 以德報德: lấy gì mà báo đức? Lấy thẳng mà báo oán, lấy đức mà báo đức». (Luận-ngữ: Hiên-vấn, XIV). Lời ấy thật là trung-chính, thật là quân-tử lắm vậy.

Người ở đời không nên dùng lời nói khéo mà làm hại đạo-đức, không nên nóng-nảy làm bậy, không nên bo bo tính lấy lợi riêng của mình. Khổng-tử nói: Xảo ngôn

loạn đức, tiểu bất nhân, tắc loạn đại mưu 巧言亂德, 小不忍, 則亂大謀: nói khéo làm loạn cái đức, điều nhỏ-mọn mà không nhịn thì hỏng việc lớn» (Luận-ngữ: Vệ-Linh-công, XV). «Phóng ư lợi nhi hành, đa oán 放於利而行, 多怨: nương-tựa vào điều lợi mà làm là hay sinh ra nhiều điều oán» (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV). Mình đối với mình thì phải khổ-khắc mà đối với người thì nên dung-thứ: «Cung tự hậu nhi bạc trách ư nhân, tắc viễn oán hỹ 躬自厚而薄責於人, 則遠怨矣: mình tự trách mình nhiều mà trách người ít, thì xa được điều oán-giận» (Luận-ngữ: Vệ-Linh-công, XV). Người quân-tử phải lấy lòng thành-thực trung-hậu mà đối với người, song phải biết rõ sự thực sự giả, đừng để cho ai lừa-đảo được mình. Khổng-tử nói: «Bất nghinh trá, bất ức, bất tín, ức diệc tiên giác giả, thị hiên hồ 不逆詐, 不億, 不信, 抑亦先覺者, 是賢乎: không đón trước là người ta dối mình, không đoán phỏng là người ta không tin mình, thế mà làm đến có điều lừa-đảo, thì biết trước ngay, thế là người giỏi vậy» (Luận-ngữ: Hiên-vấn, XIV).

Người ta muốn có cái phẩm-giá cao-thượng thì không nên vì phú-quí, vì danh-lợi mà làm điều phi nghĩa. Khổng-tử nói: Phú dĩ quý thị nhân chi sở dục giả, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất xử giả; bản dĩ tiện thị nhân chi sở ố giả, bất dĩ kỳ đạo đắc chi, bất khứ giả 富與貴是人之所欲也, 不以其道得之, 不處也; 貧與賤是人之所惡也, 不以其道得之 (6), 不去也: phú-quí thì ai cũng muốn, nhưng không lấy đạo mà được, thì không nhận; bản-tiện thì ai cũng ghét, nhưng không lấy đạo mà làm cho khỏi, thì không bỏ (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV). Hễ phải nghĩa thì làm gì cũng không nề-hà, mà không phải nghĩa thì dẫu được gì cũng không thiết. Khổng-tử nói: «Phú nhi khả cầu

(6) Câu này nên đề: «Bất dĩ kỳ đạo khứ chi, bất khứ giả» thì rõ nghĩa hơn. Nghĩ hồ đời xưa chép sai chăng? ».

giã, tuy chấp tiên chi sĩ, ngô diệc vi chi, như bất khả cầu, lòng ngô sở hiếu 富而可求也, 雖執鞭之士, 吾亦爲之, 如不可求, 從吾所好: giàu mà nên cầu được, thì dù làm người cầm roi đi hầu, ta cũng làm. Nếu không nên cầu, thì cứ theo cái thích của ta » (Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII).

Đã là người quân-tử thì không bao giờ thấy điều lợi mà bỏ việc nghĩa; nếu làm việc phi nghĩa mà được phú-quí, thì đành chịu bần-tiện còn hơn. Cho nên Khổng-tử nói: Phạn sơ tự, ẩm thủy, khúc quăng nhi trầm chi, lạc tại kỳ trung hỹ. Bất nghĩa nhi phú thả qui, ư ngã như phủ vãn 飯蔬食, 飲水, 曲肱而枕之, 樂在其中矣. 不義而富且貴, 於我如浮雲: ăn gạo xấu, uống nước lã, gắp cánh tay mà gối đầu, tuy thế cũng có cái vui ở trong đó. Làm điều bất nghĩa mà giàu - sang, thì ta coi như đám mây nổi » (Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII). Người quân-tử đứng vào địa-vị nào cũng có thể vui được. Sách Trung-dung nói rằng: « Quân-tử tổ kỳ vị tại hành, bất nguyên hồ kỳ ngoại. Tổ phú-quí hành hồ phú-quí, tổ bần-tiện hành hồ bần-tiện, tổ di-địch hành hồ di-địch, tổ hoạn-nạn hành hồ hoạn-nạn. Quân-tử vô nhập nhi bất tự đắc yên 君子素其位而行, 不願乎其外. 素富貴行乎富貴, 素貧賤行乎貧賤, 素夷狄行乎夷狄, 素患難行乎患難. 君子無入而不自得焉: quân-tử tùy cái địa-vị mà hành-động không muốn điều gì ở ngoài cái cảnh-ngộ của mình. Phú-quí thì hành-động theo cảnh-ngộ phú-quí, bần-tiện thì hành-động theo cảnh-ngộ bần-tiện, ở với mọi-rợ thì hành-động theo cảnh-ngộ mọi-rợ, làm hoạn-nạn thì hành-động theo cảnh-ngộ hoạn-nạn. Người quân-tử không ở vào cảnh-ngộ nào, mà tự mình không có cái thú vậy. »

Quan nhân. Người quân-tử ở với người, trước hết phải biết người. Khổng-tử nói: « Thĩ ngô ư nhân giả, thính kỳ ngôn nhi tin kỳ hành, kim ngô ư nhân giả, thính kỳ ngôn nhi quan kỳ hành 始吾於人也, 聽其言而信其行,

始吾於人也, 聽其言而觀其行: trước ta đối với người, nghe lời nói thì tin việc làm, nay ta đối với người, nghe lời nói phải xem việc làm » (Luận-ngữ: Công-dã Tráng, V). Vì nói thì dễ, làm thì khó, mà ở đời thường lại có những người miệng nói giỏi thì nhiều, bụng ở thật-thà trung-hậu thì ít, vậy nên muốn biết người hay người dở, phải xem-xét công-việc người ta làm, chứ đừng vội tin lời người ta nói. Khổng-tử nói: « Thĩ kỳ sở dĩ, quan kỳ sở do, sát kỳ sở an, nhân an sơ tại! nhân an sơ tại! 視其所由, 觀其所由, 察其所安, 人焉廋哉! 人焉廋哉!: trông người ta làm việc gì, xem người ta nói theo cái gì mà làm việc ấy, xét cái vui của người ta về việc ấy thế nào, như thế thì người ta còn giấu sao được nữa! » (Luận-ngữ: Vi-chính, II). Xét người hay dở, không nên theo lời khen-chê của nhân-chúng. Khổng-tử nói: « Chúng ố chí, tất sát yên, chúng hiếu chi, tất sát yên 衆惡之, 必察焉, 衆好之, 必察焉: người ta ghét ai ta cũng phải xét, người ta yêu ai ta cũng phải xét » (Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV). Vì rằng có khi người hay mà bị thiên-hạ ghét, người dở mà được thiên-hạ yêu. Vậy nên ta phải xem-xét kỹ-càng, thì mới phân-biệt được người hay kẻ dở, để đối-phó với người ta cho khỏi sai-lầm. Thường muốn biết rõ người hay người dở mà chỉ theo dư-luận của nhân-chúng cũng không lấy gì làm chắc-chắn lắm, cho nên Khổng-tử dạy người ta phải xem cái dư-luận của người thiện người ác là thế nào, mới biết rõ được. Thầy Tử-Cống hỏi Khổng-tử: « Hương nhân giai hiếu chi, hà như? — Tử viết: 未可也. — 鄉人皆惡之, 何如? — 子曰: 未可也. 不如鄉人之善者好之, 其不善者惡之: người mà cả làng ưa hết thấy, là người thế nào? Khổng-tử nói: chưa phải

là người hiền. Người mà cả làng ghét hết thầy là người thế nào? Khổng-tử nói: chưa phải là người hiền. Không bằng người mà kẻ thiện trong làng ưa, kẻ bất thiện trong làng ghét » (Luận-ngữ: Tử-Lô, XIII). Thầy Tử-Cống lấy số đồng làm một mà xét, Khổng-tử chia ra từng loại mà xét. Dư-luận bao giờ cũng nên có, nhưng cái dư-luận đồng làm một thì không thật, vì từa-trung có người thiện kẻ ác. Nếu người thiện ưa mà kẻ ác không ghét là không thật, hoặc kẻ ác ghét mà người thiện không ưa cũng không thật. Chỉ bằng theo từng loại mà xét, người thiện ưa mà kẻ ác ghét thì mới thật. Người thiện ưa là bởi người kia cùng theo thiên-lý mà làm điều lành như mình; kẻ bất thiện ghét là bởi người kia làm những điều trái với tư-lợi của mình. Xét như thế thì mới biết rõ người hay người dở vậy.

Đối với người ở trong xã-hội, ta phải biện-biệt thế nào là nên, thế nào là không nên. Việc nên mà cho là không nên, hay không nên mà cho là nên, đều là dở cả. Khổng-tử nói: « Khả dĩ ngôn, nhi bất dĩ chi ngôn, thất nhân; bất khả dĩ ngôn, nhi dĩ chi ngôn, thất ngôn 可與言, 而不與之言, 失人; 不可與言, 而與之言, 失言: người nào mình khả nói chuyện với người ta mà không nói, là mất người; người nào mình không khả nói chuyện với người ta mà nói, là mất lời » (Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV). Xem như thế thì sự biết người chẳng phải là quan-hệ lắm hay sao? Song người quân-tử không có câu-chấp, không thiên-tư, bất cứ đối với ai, cũng lấy lẽ phải làm chừng: « Quân tử bất dĩ ngôn cử nhân, bất dĩ nhân phế ngôn 君子不以言舉人, 不以人廢言: quân-tử không lấy lời nói mà cất người lên, không vì người mà bỏ lời nói » (Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV). Nghĩa là đừng nghe một lời nói hay đã cho là người giỏi, cũng đừng vì người dở mà người ta nói điều gì hay cũng không nghe.

Người đi học là chỉ cốt đề chí vào việc theo đạo cho thành người hoàn-toàn. Nếu vậy, mà ai lại còn cho sự ăn-nó không được tốt-đẹp làm xấu-hỗ, thì ắt là người chưa hiểu đạo-lý vậy: « Sĩ chi ư đạo, nhi sĩ ác y ác thực giả, 則廢 志 於 道, 而恥 惡 衣 惡 食 者, 未 足 與 志 於 道 也 » (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV). Người như thế là người còn lo trang-sức bề ngoài, tức là còn hiếu hư-danh, chưa thật bụng theo đạo-lý. Vậy người ấy chưa phải là người đề chí ở sự học đạo của thánh-hiền.

BẮNG - HỮU. Có biết người hay, người dở, thì mới giao-kết với nhau để làm điều lành, điều phải. Tăng-tử nói rằng: « Quân-tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân 君子以文會友, 以友輔仁: quân-tử lấy văn-học mà họp bạn, lấy bạn mà giúp mình làm điều nhân » (Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII). Bạn với người nhân-tử trung-chính, thì học được nét hay, bạn với người gian-tà quỷ-quyết, thì nhiễm được điều dở. Bởi thế cho nên ta phải chọn bạn mà chơi. Bạn-hữu chơi với nhau, phải lấy điều phải trái hay dở mà khuyên-bảo nhau, nhưng việc gì cũng giữ cho phải nghĩa thì thôi. Đừng sơm-sở quá mà thành ra sơ. Khổng-tử nói: « Trung cáo nhi thiện đạo chi, bất khả tắc chỉ, vô tự nhục yện 忠告而善道之, 不可則止, 毋自辱焉: lấy điều ngay - thẳng mà bảo, khéo tìm cách mà khuyên-răn, không nghe thì thôi, đừng đề tự lấy cái nhục cho mình » (Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII). Người nào mình đã lấy lẽ phải khuyên-răn không được, thì nói lắm cũng vô-ích, mà lại làm cho người ta khinh-nhờn mình. Cũng vì thế cho nên thầy Tử-Du mới nói: « Sự quân sắc, tư nhục hỹ; bằng hữu sắc, tư sơ hỹ 事君數, 斯辱矣; 朋友數, 斯疏矣: thờ vua can-ngăn không nghe, mà can-ngăn mãi, ấy là có nhục; bạn-hữu đã khuyên-bảo không nghe, mà khuyên-bảo mãi, ấy là sơ nhau » (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV).

Người ta ở trong xã-hội, giao-thiệp với nhau, bao giờ cũng phải lấy sự tin làm quan-trọng. Vậy nên sách Đại-học

nói rằng: «Dữ quốc nhân giao, chỉ ư tín 與國人文, 止 信: giao - kết với người trong nước cốt ở sự tin». Không có sự tin thì sự giao-thiệp của người ta không nường-tạo vào đâu được. Khổng-tử nói: «Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả giả. Đại xa vô nghệ, tiểu xa vô nghệ, kỳ hà dĩ hành chi tại 人而無信, 不知其可也. 大車無輶, 小車無軌, 其何以行之哉: người mà không có tin thì không biết ra thế nào. Xe lớn không có đòn ngang thẳng, xe nhỏ không có đòn ngang cong, thì làm thế nào cho xe chạy đi được» (Luận-ngữ: Vi-chính. II). Bởi thế cho nên chữ tin là một đạo trong năm đạo thường rất quan-trọng lắm.

Nhưng phải biết rằng đạo của Khổng-tử là bao giờ cũng cầu lấy cái trung, chủ ở sự theo đạo - lý, chứ không câu-nệ điều gì cả. Có người cứ nhất nhất nói thì phải tin, làm thì phải quả - quyết, bao giờ cũng khăng khăng một mực như thế, không nghĩ gì đến phải trái, người ấy tuy cũng có phần khả thủ, nhưng vẫn là tiểu-nhân. Vậy nên Khổng-tử nói: «Ngôn tất tín, hành tất quả, khánh khánh nhiên, tiểu-nhân tại! 言必信, 行必果, 硁硁然, 小人哉. nói ắt phải tin, làm ắt phải quả, nhỏ-hẹp như thế, khi-cục tiểu-nhân vậy thay!» (Luận-ngữ: Tử-Lô, XIII) (7).

Bác - ái. Người ta sinh ra ở đời, ai cũng bầm - thui cái lý khí của trời đất, cũng chịu cái mệnh trời như nhau cả, tất là cũng như anh em một nhà vậy. Nếu ai ai cũng biết lấy điều lễ-nghĩa mà cư-xử với nhau, thì lòng thân-ái há lại chẳng dồi-dào lắm sao. Thầy Tử-Hạ nói rằng: «Ta nghe Phu - tử thường nói: «Quân - tử kính nhi vô thất, dư nhân cung nhi hữu lễ, tứ hải chi nội giai huynh đệ 君子

(7) Mạnh - tử nói: «Đại - nhân giả, ngôn bất tất tín, hành bất tất quả, duy nghĩa sở tại 大人者, 言不必信, 行不必果, 惟義所在: bậc đại-nhân nói không cần thế nào cũng phải tin, làm không cần thế nào cũng phải quả-quyết, cứ hợp nghĩa thì thôi». Nghĩa là lúc nào cũng cứ theo lẽ phải mà làm.

而無失, 與人恭而有禮, 四海之內皆兄弟也: quân-tử kính mà giữ được mãi không mất, tiếp người thì cung-kinh, có lễ-phép, như vậy người trong bốn bề đều là anh em cả» (Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII). Đạo của Khổng-tử là đạo nhân, chủ lấy sự yêu người làm trọng, Thiên Hiếu-sinh sách Khổng-tử gia ngữ chép: «Một hôm vua Cung-vương nước Sở đánh rơi mất cái cung, các quan tâu xin sai người đi tìm. Vua nói rằng: vua nước Sở mất cung, người nước Sở nhặt được, mất đi đâu mà phải đi tìm. Có người đem chuyện ấy nói với Khổng-tử, Ngài nói rằng: «Tiếc thay cái ý còn hẹp! Sao không nói: người rơi mất cung, người bắt được, hà tất phải nói là người nước Sở». V. Ngài nói người ta ở đâu cũng là người, việc gì phải lấy giới-hạn một nước mà phân-biệt nhau ra. Lòng nhân-ái của người quân-tử phải lan ra khắp cả thiên-hạ, chứ không riêng ra cho một xứ nào, một nước nào cả. Trước sau Khổng-tử chỉ lấy cái đạo nhất quán là đạo nhân mà dạy người, cho nên Tạng-tử mới nói: «Phu-tử chi đạo trung thứ nhi dĩ hỹ 夫子之道忠恕而已矣: đạo của Phu-tử chỉ trung thứ mà thôi» (Luận-ngữ: Lý-nhân). Một hôm thầy Tử-cống hỏi: «Có một lời nào khả dĩ thi-hành được chung thân không? — Khổng-tử trả lời: «Kỷ thứ hồ, kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân 其恕乎! 己所不欲, 勿施於人: chữ thứ chẳng! điều gì mình không muốn, thì đừng làm cho người» (Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV). Lại một hôm Ngài bảo thầy Tử-Cống: «Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân 夫仁者, 己欲立而立人, 己欲達而達人: phạm kẻ nhân-giả là mình muốn lập thì lập cho người, mình muốn đạt, thì đạt cho người» (Luận-ngữ: Ung-giã, VI). Mấy lời ấy thật đã biểu-thị rõ cái đạo nhân-ái của thánh-nhân, tưởng xưa kia chưa hầu dễ đã có ai diễn-giải ra được rõ-ràng như thế.

Đạo của người quân-tử đối với mình thì thận-trọng kính cần, đối với người thì nhân-hậu từ-ái, mà bao giờ

cũng ung-dung hoằng-dại, không có điều gì là hẹp-hòi bó buộc. Người nào đã theo đạo ấy thì không những giữ được phẩm-giá tôn-quí của mình, mà lại có thể làm lợi cho cả thiên-hạ.

Đạo ấy cốt ở sự giáo-hóa, khiến người ta phải « *Tu thân dĩ đạo, tu đạo dĩ nhân* 修身以道, 修道以仁 : lấy đạo mà sửa mình, lấy nhân mà sửa đạo » (*Trung-dụng*). Nhân là cái gốc của đạo người quân-tử mà sự giáo-hóa là cái cách để đào-tạo ra người quân-tử vậy.

III. SỰ GIÁO-HÓA CỦA KHÔNG-GIÁO

Cách lập giáo của Không-tử. Sách Không-tử gia ngữ thiên Đệ-tử-hạnh XII, chép : « Không-tử chi thi giáo giả, tiên chi dĩ Thi Thư, nhi đạo chi dĩ hiếu-đễ, thuyết chi dĩ nhân-nghĩa, quan chi dĩ lễ-nhạc, nhiên hậu thành chi dĩ văn đức 孔子之施教也, 先之以詩書, 而道之以孝悌, 說之以仁義, 觀之以禮樂, 然後成之以文德 : cách dạy người của Không-tử, trước hết dùng Thi Thư mà dạy, rồi lấy hiếu-đễ mà đạo-dẫn người ta, lấy nhân-nghĩa mà giảng-dụ, lấy lễ-nhạc mà khiến người ta xem xét, sau cùng mới lấy văn lấy đức mà làm cho nên người ». Cái lối giáo-hóa của Không-tử là trước hết lấy Thi, Thư mà gây-nuôi tính-tình và mở-mang sự tri-thức của người ta, rồi lấy hiếu-đễ lễ-nhạc mà sửa tâm-tính cho ngay-chính, và lấy văn-chương đạo-đức mà trang-sức cho thành về tôn-quí. Mục-dịch là đem người ta đến bậc nhân. Vì cái mục-dịch ấy cho nên Ngài rất chú-trọng ở sự học Thi, học Lễ và học Nhạc. Ngài nói : « *Bất học Thi vô dĩ ngôn . . . ; bất học Lễ vô dĩ lập . . . ; không học Thi không lấy gì mà nói . . . ; không học Lễ không biết gì mà đứng . . .* » (*Luận-ngữ : Quí-thị, XVI*). Nghĩa là không học Thi, thì sự lý không đạt, tâm-khi không hòa-bình, nói nghe sao được ; không học Lễ, thì

sai phạm-tiết không rõ, đức-tính không kiên, đứng vững sao được. Học Thi, học Lễ và học Nhạc là cốt để sửa tâm-tính của người ta, cho nên Ngài nói : « *Hưng ư Thi, lập ư Lễ, thành ư Nhạc* 興於詩, 立於禮, 成於樂 : hưng-khởi cái ý-chí là ở Thi, sửa-sang phẩm-cách cho đứng-dẫn là ở Lễ, điều-hòa tính-tình cho hoàn-toàn là ở Nhạc ». (*Luận-ngữ : Thái-bá, VII*).

Phương-pháp của Không-tử là trước hết dạy những điều người ta có thể hiểu được, rồi dần dần dạy đến những điều cao-xa. Ngài theo phương-pháp ấy mà dạy học-trò, cho nên thầy Nhan Hối nói rằng : « *Phu-tử tuần tuần nhiên, thiện dụ nhân : bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ* 夫循循然, 善誘人 : 博我以文, 約我以禮 : Phu-tử cứ tuần-tự khéo dạy-dỗ người : lấy văn-học mà làm rộng kiến-thức của ta, lấy lễ-nghĩa mà ước-thúc hành-vi của ta ». (*Luận-ngữ : Tử-hân, IX*). Thường những kẻ có học-học rộng mà không có lễ-nhượng để ước-thúc lấy mình, thì hay sinh ra kiêu-căng, làm mất cái thái-độ ôn-hòa trang-nhã của người quân-tử. Bởi thế cho nên Không-tử lấy cái học *bác văn ước lễ* mà dạy người.

Ngài dạy điều gì cũng dễ cho học-trò phải cố sức suy-nghĩ tìm-tòi lấy, khi nào xem chừng đã gần hiểu được, nhưng còn chưa suốt được mọi lẽ, hoặc chưa giải-diễn ra được cho rõ-ràng, thì Ngài mới chỉ-bảo cho. Ngài nói : « *Bất viết : như chi hà, như chi hà giả, ngộ mạt như chi hà giả dĩ hỹ* 不曰 : 如之何, 如之何者, 吾末如之何也 已矣 : người nào không nói rằng : làm thế nào, làm thế nào, thì ta cũng chẳng làm thế nào được ». (*Luận-ngữ : Vệ Lánh-công, XV*). Ai mà tự mình không cố sức suy-xét cho kỹ các lẽ thì dầu có dạy cũng không có ích gì. Không-tử cho sự học là sự mình phải gắng sức luôn luôn. Không gắng sức là không có sự học. Vậy nên Ngài dạy người ta thường chỉ gọi lên một mối rồi để người ta tự mình phải suy-nghĩ ra mà hiểu lấy. Ngài nói : « *Bất phần bất*

khải, bất phỉ bất-phát. Cử nhất ngưng bất dĩ tam ngưng phản, tắc bất phục giả 不憤不發, 不悱不發. 舉一隅不以三隅反, 則不復也: không tức-giận vì muốn biết, thì không truyền-mở cho, không tức-giận vì nói không rõ ra được, thì không bày-vẽ cho. Vật có bốn góc, bảo cho biết một góc mà không suy ra ba góc kia, thì không dạy nữa». (Luận-ngữ: Thuật-nhi, VII). Cũng vì vậy mà thầy Tử-Cống theo học mãi mới được nghe Ngài nói đến tính và đạo Trời; khi được nghe Ngài dạy những điều ấy, lấy làm thích mà than rằng: «Phu-tử chi văn-chương, khả đắc nhi văn giả, phu-tử chi ngôn-tính dĩ thiên đạo, bất khả đắc nhi văn giả 夫子之文章, 可得而聞也, 夫子之言性與天道, 不可得而聞也: văn-chương của Phu-tử, ta có thể được nghe luôn, đến như những điều Ngài nói về tính và đạo Trời, thì ít khi được nghe vậy». (Luận-ngữ: Cống-dã Tráng, V). Văn-chương là cái đức hiển-hiện ra ở ngoài, cho nên Phu-tử thường lấy để dạy mọi người, còn tính và đạo Trời là phần vi-diệu, phi đối với người học-lực đã thâm-viễn, thì Ngài không hay nói đến, cho nên không mấy người được nghe vậy.

Khổng-tử cho là có hạng người tư-chất đủ học mà hiểu được những lẽ cao-xa, có hạng người tư-chất dẫu có học cũng không hiểu được. Ngài nói rằng: «Trung nhân dĩ thượng, khả dĩ ngữ thượng giả; trung nhân dĩ hạ, bất khả dĩ ngữ thượng giả 中人以上, 可以語上也; 中人以下, 不可以語上也: đối với những người có tư-chất tự bậc trung trở lên, thì mới có thể nói những điều cao-xa; đối với những người có tư-chất tự bậc trung trở xuống, thì không có thể nói những điều cao-xa». (Luận-ngữ: Ung-giã, VI).

Vậy nên trong cái học của Khổng-tử có hai phần: một phần công-truyền và một phần tâm-truyền; phần công-truyền nói về luân-thường đạo-lý để dạy cho mọi người; phần tâm-truyền nói về những sự cao-xa khó

hiều để riêng cho những người có tư-chất đặc-biệt, tự mình phải học mà lĩnh-hội lấy, chứ không phải giảng rõ ra nhiều lời. Ngài bảo thầy Tử-Cống rằng: «Dư dục vô ngôn 予欲無言: ta muốn không nói». Thầy Tử-Cống thưa: «Tử như bất ngôn, tắc tiểu-tử hà thuật yên 子如不言, 則小子何述焉: nếu Phu-tử không nói thì tiểu-tử biết noi theo vào đâu?» Ngài nói rằng: «Thiên hà ngôn tai! Tử thời hành yên, bách vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai! 天何言哉! 四時行焉, 百物生焉, 天何言哉! Trời có nói gì đâu! Bốn mùa chuyển-văn, trăm vật sinh-nở. Trời có nói gì đâu!» (Luận-ngữ: Dương-Hóa, XVII). Cái đạo của thiên-hạ có điều nói nhiều mà lại mờ-tối đi. Song thiên-lý tự lưu-hành mà sinh-hóa, người biết suy-xét thì há lại phải đợi nói mới biết hay sao? Người nào đã không thể biết được, thì càng nói lắm, lại càng làm cho người ta không hiểu lắm. Vậy nên Ngài muốn không nói mà dạy được, nghĩa là Ngài muốn khiến kẻ học giả tự suy-xét lấy mà hiểu, hơn là đợi người ta giảng-dạy mà không hiểu.

Bởi lẽ ấy cho nên những điều có ý-nghĩa khó-khăn là Ngài không hay làm đến. Sách Luận-ngữ chép «Tử hãn ngôn lợi dĩ mệnh dĩ nhân 子罕言利與命與仁: Phu-tử ít nói đến lợi cùng mệnh và nhân». (Luận-ngữ: Tử-hãn, IX). Ngài ít nói đến lợi, là vì lợi có thể làm hại cho nghĩa, sợ người ta hiểu không hết lẽ, rồi hoặc là đấm-đuối vào cái ti-cận quá, hoặc là lại siêu-việt ra xa quá; Ngài ít nói mệnh và nhân, là vì cái nghĩa chữ mệnh rất tinh-vi, cái đạo nhân rất to-lớn, sợ người ta hoặc là thiên về mặt cao-xa quá, hoặc là theo không kịp, thành ra thất kỳ trung.

Cách Khổng-tử lập giáo là Ngài cho nhân-loại số nhiều chỉ hiểu được những điều thiên-cận giản-dị mà thôi. Còn những điều uyên-áo cao-xa, dẫu có đem ra giảng-dạy người ta cũng không hiểu hết cả mọi ý-nghĩa, thành ra lại làm loạn cả tinh-thần mà không được việc gì. Vì thế cho

nên đối với người thường là Ngài không nói những điều người ta không thể hiểu được, hay là những điều có thể làm cho người ta hiểu lầm được. Bởi vậy mới nói: « *Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thần* 子不語怪, 力, 亂, 神. Phu-tử không nói việc quái-lạ, việc dùng mãnh-lực, việc bệ-loạn, việc quỷ thần » (*Luận ngữ: Thuật-nhi, VII*). Có người hỏi đến việc thờ quỷ-thần, thì Ngài nói: « *Vị năng sự nhân, an năng sự quỷ* 未能事人, 安能事鬼: chưa thờ được người, thờ thế nào được quỷ-thần. » Hỏi chết là thế nào, thì Ngài nói: « *Vị tri sinh, an tri tử* 未知生, 安知死: chưa biết được việc sống, biết thế nào được việc chết » (*Luận-ngữ: Tiên-tiến, XI*). Ý hai câu này không phải là Ngài nói người ta không thờ được quỷ-thần và không biết được việc sống-chết, nhưng vì việc quỷ-thần và việc sống-chết là việc u-ẩn rất khó hiểu, nếu không cẩn-thận mà đem những việc ấy ra nói với người thường thì người ta, hay hiểu lầm mà tin bậy. Vậy nên phạm những điều huyền-bí, mà có thể làm cho người ta sinh ra hồ-tử-loạn tưởng không có ích gì cho sự sinh-hoạt ở đời, là Ngài không hay nói đến. Ngài nói: *Sách ần, hành quái, hậu-thế hữu loạn* 索隱, 行怪, 後世有亂, 吾弗爲之矣: tìm những điều huyền-bí tối-tăm, làm những việc quái-lạ, để đời sau có người bắt-chước, thì ta không làm » (8) (*Trung-dụng*).

Về việc giáo-hóa, thì Khổng-tử cho là người ta ở đời, ai cũng có cái tính của trời đất phú cho. Cái tính ấy thì ai cũng như ai, nhưng rồi vì sự tập-quán mà thành ra mỗi người một khác, duy chỉ có bậc thượng trí với đấng hạ ngu thì mới không biến-đổi mà thôi: « *Tính tương cận giả, tập tương viễn giả, duy thượng trí dữ hạ ngu bất di* 性相近也, 習相遠也, 唯上智與下愚不移. (*Luận-ngữ: Dương-hóa, XVII*).

(8) Câu này có sách viết chữ 索 隱, nghĩa là tìm chỗ ẩn khuất mà ở. Dùng chữ 隱 e là lầm.

Thượng trí là đã bẩm-thụ cái khí rất thanh của trời đất, từ ngay từ lúc đầu đã hoàn-toàn rồi, không phải thay-đổi gì nữa. Đấng hạ ngu đã bẩm-thụ cái khí rất trọc, thì cho có dạy-bảo thế nào cũng không trở nên hay được. Còn những bậc trung-nhân thì tùy giáo-duc, tập-quán mà thành ra người hay người dở. Khổng tử nói rằng: « *Thiếu thành như thiên-tính, tập-quán như tự-nhiên* 少成若天性, 習之如自然: tập thành từ lúc nhỏ, cũng như thiên-tính, tập quen cũng như tự-nhiên » (*Đại-Đái Lễ*). Người ta đã học-tập điều gì lâu ngày thành quen, thì chẳng khác gì cái tính tự-nhiên bẩm-thụ của trời đất. Vậy nên Ngài lấy sự giáo-hóa làm quan-trọng cho người ta ở trong xã-hội.

Trong nhân-loại tuy có bậc thượng-trí và người hạ ngu nhưng bao giờ cũng là số ít, số rất ít; còn phần nhiều là hạng trung-nhân có thể dạy bảo được cả, cho nên Khổng-tử nói rằng: « *Hữu giáo vô loại* 有教無類: có dạy mà không phân biệt chủng-loại » (*Luận-ngữ: Vệ Linh-công, XV*). Người là bất cứ hạng người nào, nói giống nào, cũng có thể dạy-bảo cho thành người hay được. Vậy nên Khổng-giáo rất chú-ý về việc giáo-hóa.

Mục-dịch sự giáo-hóa của Khổng-giáo là dạy người cho đến bậc nhân. Người có nhân thì tất là phải trung. Nhân với trung là hai cơ-bản của Khổng-giáo như đã nói ở thiên *Hình-nhi-thượng học*. Muốn đạt được mục-dịch ấy, thì trước hết phải gây nên những tình-cảm rất hậu, và giữ cho sự hành-vi lúc nào cũng có chừng-mực vừa phải. Vậy nên Khổng-giáo lấy hiếu-đễ và lễ-nhạc làm cái nền giáo-hóa. Bỏ những điều ấy đi, thì bỏ hết cả sự giáo-hóa của Khổng-giáo.

a) HIẾU-ĐỂ

Đã nói rằng Khổng-giáo chủ lấy sự dạy người ta cho tới đạo nhân 仁, tức là khiến cho người ta bao giờ cũng

có đầy những tình-cảm rất hậu và thành-thực. Cứ lễ thường, thì cha mẹ và anh em chị em là người thân-thiết của ta, tất là ta phải kính-yêu, rồi đối với người ngoài mới có lòng từ-ái, trung-thử được. Nếu ở với cha mẹ mà không hiếu-thảo, ở với anh em không kính-thuận, tức là tình-cảm của ta rất bạc, làm thế nào mà thành được người nhân?

Cái gốc đạo nhân là ái 愛 và kính 敬. Lấy ái và kính làm cái nền hiếu-đễ, thì sự giáo-hóa có công-hiệu rất hay. Khổng-tử nói: «Lập ái tự thân thử, giáo dân mục giả. Lập kính tự trưởng thử, giáo dân thuận giả. Giáo dĩ từ mục, nhi dân qui hữu thân; giáo dĩ kính trưởng, nhi dân qui dụng mệnh. Hiếu dĩ sự thân, thuận dĩ thính mệnh, thổ chư thiên hạ vô sở bất hành 立愛自親始,教民睦也.立敬自長始,教民順也.教以慈睦,而民貴有親;教以敬長,而民貴用命,孝以事親,順以聽命,錯諸天下無所不行. Dựng lòng ái khởi đầu từ cha mẹ, là dạy dân hòa-mục vậy. Dựng lòng kính khởi đầu từ người huynh-trưởng, là dạy dân kính-thuận vậy. Lấy từ-mục mà dạy dân, thì dân biết qui có cha mẹ; lấy kính người huynh-trưởng mà dạy dân, thì dân biết qui sự theo mệnh-lệnh người trên. Hiếu là để thờ cha mẹ, thuận là để vâng mệnh người trên, đem những điều ấy mà thi-thổ ra thiên-hạ, thì không có điều gì là không làm được.» (Lễ-kỷ: Tế-nghĩa, XXIV). Vậy nên trong sự giáo-hóa, Khổng-giáo lấy hiếu-đễ làm nét trọng.

Người có hiếu trước hết phải nuôi cha mẹ. Nuôi thì phải kính, chứ không kính thì không phải là hiếu. Một hôm Tử-Du hỏi hiếu. Khổng-tử nói: «Kim chi hiếu giả, thị vị năng dưỡng, chí ư khuyển mã, giai năng hữu dưỡng, bất kính hà dĩ biệt hồ 今之孝者,是謂能養,至於犬馬,皆能有養,不敬何以別乎? hiếu ngày nay là bảo có thể nuôi được cha mẹ; đến như giống chó giống ngựa đều có người nuôi, nuôi mà không kính thì lấy gì mà phân-biệt?» (Luận-ngữ: Vi-chính II). Vậy nuôi cha mẹ thì cốt

là sự thành-kính, đầu phải ăn gạo xấu, uống nước lã mà làm cho cha mẹ được hết cái vui, ấy gọi là hiếu: «Xuyết thúc ẩm thủy, tận kỳ hoan, tư chi vị hiếu 喣菽飲水,盡其歡,斯之謂孝» (Lễ-kỷ: Đán-cung hạ).

Khi cha mẹ còn, không bao giờ làm điều gì dễ cho cha mẹ lo-buồn. Bởi vậy không nên đi đâu xa, có đi xa thì phải nói cho cha mẹ biết chỗ đi để cha mẹ khỏi lo xa nhớ có việc gì, có thể tìm gọi được: «Phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương 父母在,不遠遊,遊必有方» (Luận-ngữ: Lý-nhân, IV).

Trong sự hiếu có hai điều rất nên chú-ý là vô vi 無違 và vô cải 無改. Vô vi là xử cảnh thường, thì thờ cha mẹ không trái lễ; vô cải là xử cảnh biến, thì không đổi ngay cái đạo của cha mẹ. Hai điều ấy hàm cái ý phục-tùng, song phục-tùng theo đạo phải, chứ không phục-tùng một cách thuần-thu, không biết phân-biệt phải trái gì cả.

Sách Luận-ngữ chép: Mạnh Ý - tử hỏi hiếu. Khổng tử đáp lại rằng: «Vô vi», rồi sau Phan Tri không hiểu rõ nghĩa hai chữ ấy, mới hỏi lại. Ngài giải rõ nghĩa là: «Sinh sự chi dĩ lễ, tử táng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ 生事之以禮,死葬之以禮,祭之以禮: sống thì lấy lễ mà thờ, chết thì lấy lễ mà táng, lấy lễ mà tế». (Luận-ngữ: Vi-chính, II). Vậy sự vô vi đó là sự thờ cha mẹ cho đúng lễ. Lễ là hợp nghĩa-lý, là vừa phải, chứ không thái-quá hay bất-cập, miễn là «xưng gia chi hữu vô 稱家之有無: vừa sức nhà giàu nhà nghèo mà làm cho phải lễ thường» (Lễ-kỷ: Đán-cung thượng). Có chỗ Khổng-tử lại nói rằng: «Lễ dĩ kỳ xa giả, ninh kiệm; tang dĩ kỳ dị giả, ninh thích 禮與其奢也,寧儉;喪與其易也,寧戚: lễ với xa-xỉ, thì thà rằng kiệm-trước còn hơn; tang với nghi-vấn quá, thì thà rằng thương buồn còn hơn» (Luận-ngữ: Bát-dật, III). Nghĩa là nếu theo lễ mà không được trung-dung, thì thà bất-cập còn hơn thái-quá. Ngài nói như

thế, nhưng chủ-ý là vẫn bảo phải theo lễ. Theo lễ là theo cái lý phải.

Lấy lễ mà thờ cha mẹ không phải là cha mẹ làm điều gì trái đạo cũng theo. Khổng-tử nói : « *Sự phụ mẫu oán giận, kiến chí bất tòng, hựu kinh bất vi, lao nhĩ bất oán* 事父母幾諫,見志不從,又敬不違,勞而不怨 : thờ cha mẹ thì khi cha mẹ có làm điều gì lầm-lỗi, con phải theo cách êm-đềm dịu-dàng mà can-ngăn, thấy cha mẹ không nghe, thì lại kính mà không trái lễ, dầu có phải điều đau đớn khó-nhọc cũng không oán-giận ». (*Luận-ngữ : Lật nhân, IV*). Nghĩa là khi cha mẹ có làm điều gì trái đạo, thì con phải dùng cách ôn-hòa mà can-ngăn. Nếu cha mẹ không nghe, thì lại tỏ lòng cung-kính và hiếu-thảo, rồi dần dần lựa cách nói cho cha mẹ biết lẽ phải mà sửa-đổi lại. Dầu có khi cha mẹ giận mà đánh-đập hay bắt phải chịu khổ-sở, cũng không oán. Việc giữ cái danh-tiết của cha mẹ được trong-sạch là cái bổn-phận người con hiếu đạo nên giữ vậy.

Một hôm Ai-công nước Lỗ hỏi Khổng-tử rằng : « Con theo mệnh cha có phải là hiếu không ? Tôi theo mệnh vua có phải là trung không ? » Hỏi ba lần mà Khổng-tử không thừa. Khi Ngài ra ngoài, đem chuyện ấy nói với thầy Tử-Cống và hỏi ý thầy ấy thế nào. Thầy Tử-Cống thưa : « Con theo mệnh cha là hiếu, tôi theo mệnh vua là trung, còn ngờ gì nữa ? » Khổng-tử nói : « Người không biết gì. Đời xưa đấng minh-quản làm vua nước vạn thặng có tránh-thần bảy người, thì vua không làm điều lỗi ; làm vua nước thiên thặng có tránh-thần năm người, thì xã-tắc không nguy ; làm chủ một nhà, có tránh-thần ba người, thì lộc vị không suy. Cha có tránh-tử, thì không hãm vào điều vô lễ ; kẻ sĩ có tránh-hữu, thì không làm điều bất nghĩa. Cho nên con theo mệnh cha há đã là hiếu, tôi theo mệnh vua há đã là trung. Chỉ có biết xét cái đáng theo mà theo, mới gọi là hiếu, là trung vậy » (*Khổng-tử gia ngữ :*

Tam thư, IX). Xem thế, thì làm điều hiếu, không phải cha mẹ thế nào cũng phải theo. Có khi cha làm điều gì trái lễ, thì phải hết sức can-ngăn, để cho cha không bị những điều lầm lỗi. Nhưng chỉ cốt phải theo lễ mà can-ngăn, thì mới có hợp lễ mới thật là hiếu.

Phàm người có hiếu là khéo noi được cái chí của cha mẹ, khéo noi được việc làm của cha mẹ : « *Phụ hiếu giả thiên kế nhân chí chí, thiện thuật nhân chí sự giả giả* 夫孝者善繼人之志,善述人之事者也 (*Trung-dụng*). Câu này cốt ở chữ *thiện* 善, nghĩa là khéo biết phân-biệt cái chí của cha mẹ, và công-việc của cha mẹ đã làm, để xem cái gì hay thì theo, cái gì dở thì bỏ, chứ không phải gặp thế nào cũng nhắm mắt mà theo.

Khổng-tử có dạy phải *vô cải*, như Ngài nói : « *Phụ tại quan kỳ chí, phụ một quan kỳ hành, tam niên vô cải ư* 父在觀其志,父沒觀其行,三年無改於父之道,謂之孝矣 : cha còn thì phải xem cái chí của cha, cha mất rồi phải xem việc làm của cha, ba năm không đổi cái đạo của cha, khả gọi là hiếu vậy ». (*Luận-ngữ : Học-nhi, I*). Lúc cha còn thì xem cái chí của cha, để có điều gì phải thì theo và có điều gì trái thì can. Việc cha đã làm mà có nên thay-đổi, thì đợi hết ba năm tang-chế rồi hãy thay-đổi, trước là để tỏ lòng bất nhân của người hiếu-tử, sau là khi làm việc thay-đổi như vậy, cần phải kính-cẩn thận-trọng. Nghĩa hai chữ *vô cải* là thế, và có theo cái nghĩa ấy thì mới thích-hợp với lễ trung.

Khổng-tử dạy hiếu, nhưng bao giờ cũng dạy phải giữ đạo trung-dụng. Một hôm Diệp-công bảo Khổng-tử rằng : « *Ngô đẳng hữu trực cung giả, kỳ phụ như vương dương, nhi tã chứng chi* 吾黨有直躬者,其父攘羊,而子證之 : xóm chúng tôi có người cứ lấy cái thặng mà khiến mình ; cha đi ăn trộm dê, mà con đi làm chứng ». Ngài nói rằng : « *Ngô đẳng chi trực giả dĩ ư thị, phụ vị tử ần, tử vị phụ ần, trực tại kỳ trung hỹ* 吾黨之直者異於是,父為子隱,子為父

隱, 直在其中矣: người thẳng xóm chúng tôi thì khác thế cha che - chở cho con, con che - chở cho cha, cái trực ở trong đó vậy ». (*Luận-ngữ: Tử-Lộ, XIII*). Lời ấy thật là ôn hòa, trung-dung, rất thích-hợp với đạo làm người.

Khổng-giáo vốn không phải thuần là một tông-giáo, vì không có định ra sự thờ-cúng một vị thần nào. Song lấy sự thờ cha mẹ và tổ-tiên làm rất tôn-trọng. Khổng-tử cho sự thờ cha mẹ rất hiếu là: *Kinh kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chi giả 哉* 所尊, 愛其所親, 事死如事生, 事亡如事存, 孝之至也. kinh những người cha mẹ đã tôn-trọng, yêu những người cha mẹ đã yêu-mến, thờ cha mẹ lúc chết rồi cũng như lúc còn sống, lúc mất rồi cũng như lúc hãy còn, ấy là hiếu đến rất mực vậy » (*Trung-dung*). Theo cái ý-chỉ ấy thì sự thờ cha mẹ có cái thái-độ tựa như một tông-giáo. Huống chi lại nói cách con thờ cha mẹ phải: « *Thỉnh ư vô thanh, thị ư vô hình* 聽於無聲, 視於無形: nghe thấy ở chỗ không tiếng, trông thấy ở chỗ không có hình ». (*Lễ-ký, Khúc-Lễ thượng, I*). Nghĩa là phải chuyên-tâm tri ý mà thờ cha mẹ, lúc nào cũng tưởng-tượng như trông thấy cha mẹ ngồi trước mặt, và nghe thấy lời cha mẹ dạy-bảo vậy. Xem như thế, thì hiếu là cái đạo có tinh-chất của một tông-giáo thật. Song ta nên biết rằng sự thờ cha mẹ không phải là cái lễ cuối cùng của sự hiếu. Cái lễ cuối cùng của sự hiếu là lấy hiếu gây thành đạo nhân, vì người có hiếu tức là có nhân. Nhân với hiếu thường dắt-diu nhau; cho nên những người có địa-vị trọng-yếu ở trong xã-hội, phải chú-ý về đạo hiếu lắm. Ngài nói: « *Quân-tử đốc ư thân, tắc dân hưng ư nhân; cổ cự bất di, tắc dân bất thâu* 君子篤於親, 則民興於仁; 故舊不遺, 則民不偷: người quân-tử hậu với cha mẹ, thì dân hưng-khởi làm điều nhân; không bỏ sót những người cổ-cựu, thì dân không có bạc-tục ». (*Luận-ngữ: Thái-Bá, VIII*). Người quân-tử đây là nói những kẻ có quyền-bính, làm tiêu-biểu cho nhân-chúng. Những người ấy mà

hữu hiếu, bất mục, tinh-cảm đơn-bạc thì khiến dân có nhân, có nghĩa, có tinh-cảm hậu sao được? Vậy nên Tăng-tử nói rằng: *Thận chung, truy viễn, dân đức qui hậu hỹ* 慎終, 追遠, 民德歸厚矣: cần-thận lúc cha mẹ chết, nhớ đến tổ-tiên xa, thì cái đức của dân trở nên hậu. » (*Luận-ngữ: Học nhi, I*).

Chữ hiếu trong Khổng-giáo quan-trọng như thế, cho nên người đi học phải xét cho kỹ, chớ nên vội-vàng phán-đoan nông-nổi mà sai-lầm. Cũng vì nhiều người không hiểu cái thâm ý chữ hiếu là cái mối đầu sự tác-dụng của đạo nhân, cho nên cứ câu-nệ về cái hình-thức bề ngoài, hay ra những cách phiền-toái, làm mất cả cái tinh-thần giản-dị, thành-thực. Đó là cái lỗi tại những người đời sau, chớ cứ theo cái đạo của Khổng-tử, thì có điều gì là điều không hay? Đạo của Ngài là đạo trung-dung, phải tùy thời, tùy cảnh-ngộ mà biến-đổi, chủ lấy sự thích-hợp với đạo nhân làm cốt. Việc hiếu cũng như mọi việc khác, vụ lấy lòng thành-thực và cung-kinh, còn những điều vụn-vật không hợp thời, hợp cảnh, thì bỏ đi, có ngại gì? Có biết theo thời mà biến-đổi, để giữ lấy được cái trung, thì mới thật là người nho-học.

Nhưng học cho biết cái lẽ phải-trái, biết lẽ điều-hòa trong sự hành vi của người ta, thì phải biết lễ-nhạc, vì lễ-nhạc là phần luân-lý thực-hành của Nho-giáo, cốt để bồi-dưỡng cái tâm của người ta cho khỏi nghiêng-lệch. Lễ-nhạc cũng như hiếu-đễ, quan-hệ với nhau mật-thiết lắm, cho nên lễ-nhạc là một phần rất trọng-yếu trong sự giáo-hóa của Nho-giáo.

b) LỄ-NHẠC

Khổng-tử từ thuở còn thanh-niên ở nước Lỗ đã nổi tiếng là người học giỏi về lễ. Khi Ngài vào kinh-đô nhà Chu, đi hỏi lễ ở Lão-tử, hỏi nhạc ở Trình Hoảng. Về sau Ngài ra xuất chính, hay là dạy học, lúc nào cũng chú-ý về

lễ-nhạc. Xem như thế, thì lễ-nhạc là phần rất trọng-yếu trong sự giáo-hóa của Khổng-giáo. Sau khi Ngài mất rồi, các môn-đệ Ngài ghi-nhớ lấy những lời Ngài giảng-du về lễ-nhạc, rồi chép vào sách Lễ-ký. Hậu-nho đời Hán lại phụ-hội thêm vào, bàn rõ các ý-nghĩa hai chữ lễ-nhạc.

Lễ-nhạc quan-hệ đến luân-lý, phong-tục và chính-trị rất mật-thiết lắm, cho nên các nho-giả tìm cái căn-nguyên ở trong đạo tự-nhiên của trời đất, cho lễ là cái trật-tự của trời đất, nhạc là cái điều-hòa của trời đất: « Nhạc giả thiên-địa chi hòa giả, lễ giả thiên-địa chi trật giả 樂者天地之和也, 禮者天地之序也. » (Lễ-ký: Nhạc-ký, XIX). Lễ phân ra trật-tự khác nhau, để cho vạn vật có thứ-vị phân-minh; nhạc hợp đồng lại làm một, để người ta biết vạn vật tuy khác nhau, nhưng cùng đồng một thể, cùng theo một lẽ điều-hòa mà sinh-hóa. Bởi vậy mới nói rằng: « Thiên cao địa hạ, vạn vật tán thủ, nhi lễ chế hành hỹ, Lưu nhi bất tức, hợp đồng nhi hóa, nhi nhạc hưng yển 高地下, 萬物散殊, 而禮制行矣, 流而不息, 合而化, 而樂興焉: trời cao đất thấp, muôn vật khác nhau, cho nên thánh-nhân mới nhân đó mà định ra lễ-chế để phân tôn-ti trật-tự. Trời đất và vạn vật lưu-hành không nghỉ, rồi hội-hợp khi tính cho điều-hòa, để hợp đức mà sinh dục, thế mới thành ra có nhạc vậy ». (Lễ-ký: Nhạc-ký, XIX).

Cái căn-nguyên lễ-nhạc cao-xa như thế, cho nên mới có giá-trị tôn-qui, mà thánh-hiền đời trước đều lấy làm cơ-bản để dạy người và trị thiên-hạ, khiến người ta cư-xử, hành-động cho hợp nhân-đạo. Bởi vậy mới nói rằng: « Tiên-vương chi chế lễ-nhạc giả, phi dĩ cực khẩu phúc nhĩ mục chi dục giả, tương dĩ giáo dân bình hiếu ố, nhi phản nhân đạo chi chính giả 先王之制禮樂也, 非以極口腹耳目之欲也, 將以教民平好惡, 而反人道之正也: Tiên-vương chế ra lễ-nhạc không phải là để làm cho cùng-cực cái dục của miệng bụng tai mắt, nhưng để khiến dân giữ lòng hiếu ố cho vừa phải, mà sửa lại cái đạo làm người

cho chính vậy » (Lễ-ký: Nhạc-ký, XIX). Vậy nay bàn đến lễ và nhạc, thì ta nên định rõ cái nghĩa hai chữ ấy của cổ-nhân hiểu ra thế nào.

Lễ 禮. Chữ lễ trước tiên chỉ dùng để nói cách thờ thần cho được phúc, tức là chỉ có nghĩa cúng-tế, thuộc về đường tông-giáo mà thôi. Sau dùng rộng ra, nói gồm cả những qui-củ mà phong-tục và lập-quán của nhân-quần xã-hội đã thừa-nhận, như: quan 冠, hôn 昏, triều 朝, sinh 聘, tang 喪, tế 祭, tân chủ 賓主, hương ẩm tiểu 鄉飲酒, quân 旅 軍旅. Sau cùng chữ lễ lại có cái nghĩa thật rộng nói gồm cả cái quyền-bình của vua và cách tiết-chế sự hành-vi của nhân-chúng. Cái nghĩa ấy bao-quát cả những việc thích-hợp với cái lẽ công-chính của đạo-lý và lễ thích-nghĩ của sự lý. « Lễ giả giả, nghĩa chi thực giả. Hiệp chư nghĩa nhi hiệp, tắc lễ tuy tiên-vương vị chi hữu, khả dĩ nghĩa khởi giả 禮也者, 義之實也, 協諸義而協, 則禮雖先王未之有, 而可以義起也: lễ là cái thực của nghĩa. Hợp với các điều nghĩa mà hợp, thì lễ tuy tiên-vương chưa đặt ra, nhưng cũng có thể lấy nghĩa mà khởi sáng ra được » (Lễ-ký: Lễ-vận, IX). Vậy lễ với lý và nghĩa là một, có thể lấy làm qui-củ cho sự hành-vi, có thể tùy thời mà thay-đổi cho hay hơn, tốt hơn, không phải cố-chấp lấy cổ-lễ cụ-tục làm hạn. Chữ lễ hiểu nghĩa rộng như thế mới đúng với cái tông-chỉ của Khổng-giáo. Tông-chỉ ấy cốt nhất là hàm-dưỡng những tình-cảm cho thật hậu, để gây thành cái tập-quán đạo-đức cho đến bậc nhân.

Theo cái nghĩa rộng chữ lễ đã định rõ trên kia, thì tác-dụng của lễ có thể chia ra làm bốn chủ-đích như sau này:

1. Chủ-đích thứ nhất là để hàm-dưỡng tình-tinh. Nguyên Khổng-giáo vốn là cái học trọng tình-cảm, cho nhân-sự đều bởi tình-cảm mà sinh ra. Vậy nên thánh-nhân rất chú-ý về việc gây nên nhiều tình-cảm rất tốt, rất hậu,

tức là gây thành cái gốc đạo nhân. Cái nghĩa tối cổ chữ lễ thuộc về việc tế-tự vẫn quan-hệ đến đạo-đức. Vì việc tế-tự có thể gây thành cái trạng-thái có nhiều tình-cảm rất hậu. Tế là lấy bụng thành-thực cung-kính mà đối với tổ-tiên, quỉ-thần: « *Phê: tế giả, phi vật tự ngoại chi giả giả, tự trung xuất, sinh ư tâm giả* 夫祭者, 非物自外至者也, 自中出, 生於心也: tế là không phải cái vật ở ngoài đến, tự trong bụng ra, ở tâm sinh ra vậy ». (Lễ-kỷ: Tế-thống, XXV). Trong khi tế-tự cha-ông tổ-tiên, lúc nào người ta cũng tưởng nghĩ đến luôn. Trước ba ngày tế đã trai-giới để bụng chăm chăm vào việc tế; đến ngày tế thì thật hình như đã trông thấy cha-ông tổ-tiên, thành ra có cái cảm-tình lai-lãng biết là bao nhiêu! Sách Lễ-kỷ, thiên Tế-nghĩa nói rằng: *Trai chi nhật, tư kỳ cư xử, tư kỳ tiểu ngữ, tư kỳ chi ý, tư kỳ sở lạc, tư kỳ sở thị. Trai tam nhật nãi kiến kỳ sở vi trai giả. Tế chi nhật, nhập thất, ái-nhiên tất hữu kiến hồ kỳ vị; chu hoàn xuất hộ, lúc-nhiên tất hữu văn hồ kỳ dụng thanh; xuất hộ nhi thỉnh, khái-nhiên tất hữu văn hồ kỳ thân-tức chi thanh* 齊之日, 思其居處, 思其笑語, 思其志意, 思其所樂, 思其所嗜. 齊三日, 乃見其所為齊者. 祭之日, 八室, 儼然必有見乎其位; 周還出戶, 肅然必有聞乎其容聲; 出戶而聽, 愜然必有聞乎其歎息之聲: ngày trai-giới thì nghĩ đến cách cư-xử, nghĩ đến cách cười nói, nghĩ đến ý-chí, nghĩ đến cái vui, nghĩ đến cái muốn của cha-ông tổ-tiên. Trai-giới được ba ngày thì mới thấy rõ được thế nào là trai-giới. Ngày tế, bước vào đến nhà thì mình phảng-phất hình như trông thấy ở ngai thờ; lúc thông-thả đi ra ngoài cửa thì mình kính-cần hình như nghe thấy tiếng, trông thấy giảng-diệu; lúc ra ngoài cửa rồi, thì mình băn-khoăn hình như nghe tiếng than-thở. »

Cách ăn-mặc trong lúc tang-chế, ở chỗ triều-đường, hay khi đi trận-mạc, phải theo lễ, cũng là có ý để gây nên những tình-cảm cho xứng đạo nhân. Một hôm Ai-công nước Lỗ hỏi Khổng-tử: « *Thân ủy chương phủ hữu ích*

ư nhân hồ 神委章甫有益於仁乎: giải mũ và áo chương-phủ có ích cho đạo nhân không? — Khổng-tử nghiêm sắc mặt mà thưa: « *Quân hồ nhiên yên! Thôi ma thư trượng giả, chi bất tồn hồ lạc, phi nhĩ phất văn, phục sử nhiên giả; phủ phất tồn miện giả, dung bất tập mạn, phi tình căng trang, phục sử nhiên giả; giới trụ chấp qua giả, vô thoải nọa chi khí, phi thể thuần mãnh, phục sử nhiên giả* 君胡然焉! 衰麻苴杖者, 志不存乎樂, 非耳弗聞, 服使然也; 黼黻衰冕者, 容不象慢, 非性矜莊, 服使然也; 介冑執戈者, 無退懦之氣, 非體純猛, 服使然也: sao vua lại nghĩ thế! Người mặc áo sô gai chống gậy, chi không đề đến sự vui, không phải là tại không nghe thấy, vì y-phục khiến như thế; người mặc cái phủ cái phất, áo còn mũ miện, giảng-diệu không nhờn, không phải là nguyên tính vốn trang-nghiêm, vì y-phục khiến như thế; người đội mũ trụ, mặc áo giáp, cầm cây giáo, không có cái khí nhút-nhát, không phải là thân-thể vốn mạnh-bạo, vì y-phục khiến như thế. » (Khổng-tử gia-ngữ: Hiếu-sinh, X).

Khổng-giáo dùng lễ là cốt tạo thành ra một thứ không-khí lễ-nghĩa, khiến người ta có cái đạo-đức tập-quán để làm điều lành, điều phải, mà vẫn tự-nhiên không biết. Sách Lễ-kỷ, thiên Đàn-cung-hạ chép chuyện người Chu-Phong thưa với Lỗ Ai-công rằng: « *Khư mộ chi gian, vị thi ai ư dân nhi dân ai; xã-tắc tông-miếu chi trung, vị thi kinh ư dân nhi dân kinh* 嗟墓之間, 未施哀於民而民哀; 社稷宗廟之中, 未施敬於民而民敬: ở chỗ mồ-mả, chưa dạy dân phải thương mà dân tự-nhiên có lòng thương; ở chỗ xã-tắc tông miếu, chưa dạy dân phải kính mà dân tự-nhiên có lòng kính ». Ở chỗ mồ-mả thì có cái không-khí bi-ai, ở chỗ tông-miếu thì có cái không-khí tôn-kính, ai đã hờ-hấp cái không-khí ấy thì rồi tự hóa theo mà không biết. Khổng-giáo dùng lễ tức là để gây thành ra cái không-khí đạo-đức vậy.

2. Cái chủ-dịch thứ hai là đề giữ những tình-cảm cho thích-hợp đạo trung. Gây thành ra những tình-cảm rất tốt, rất hậu, là một điều rất trọng-yếu của Khổng-giáo. Nhưng cứ đề cho tình-cảm được tự-do hành-động thì thường sinh ra lắm điều chềch-lệch, phi thái quá thì bất-cập. Vậy nên phải lấy lễ mà khiến sự hành-vi của người ta cho có chừng-mực, đề lúc nào cũng hợp với đạo trung. Khổng-tử nói: « *Cung nhi vô lễ tắc lao, thận nhi vô lễ tắc ti, dũng nhi vô lễ tắc loạn, trực nhi vô lễ tắc giáo* 恭而無禮則勞, 慎而無禮則憊, 勇而無禮則亂, 直而無禮則絞: cung-kinh mà không có lễ thì phiền, cần-thận mà không có lễ thành ra sợ-hãi, dũng mà không có lễ thì loạn, trực mà không có lễ thành ra vội-vã. » (*Luận-ngữ: Thái-Bá, XIII*). Vì vậy cho nên Ngài bảo thầy Nhan Uyên là một người đã hiểu đạo nhân hơn cả mọi người, rằng: « *Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động* 非禮勿視, 非禮勿聽, 非禮勿言, 非禮勿動: không phải lễ thì chớ trông, không phải lễ thì chớ nghe, không phải lễ thì chớ nói, không phải lễ thì chớ làm. » (*Luận-ngữ: Nhan-Uyên, XII*). Lễ là cốt đề giữ chừng-mực cho sự hành-vi của người ta, cho nên mới nói rằng: « *Đạo-đức nhân-nghĩa, phi lễ bất thành; giáo-huấn chính-tục, phi lễ bất bị; phân-tranh biện-tụng, phi lễ bất quyết; quân-thần, thượng-hạ, phụ-tử, huynh-đệ, phi lễ bất định; hoạn học, sự sư, phi lễ bất thân; ban triều, trị quân, lệ quan, hành pháp, phi lễ uy-nghiêm bất hành; đảo từ, tế tự, cung-cấp quỷ-thần, phi lễ bất thành bất trang*. Thị dĩ quân-tử cung-kinh tôn tiết, thoái nhượng dĩ minh lễ 道德仁義, 非禮不成; 教訓正俗, 非禮不備, 分爭辯訟, 非禮不決; 君臣, 上下, 父子兄弟, 非禮不定; 官學, 事師, 非禮不親; 班朝, 治軍, 蒞官, 行法, 非禮成展不行; 禘祠, 祭祀, 供給鬼神, 非禮不誠不莊. 是以君子恭敬, 撝節, 退讓以明禮: đạo-đức nhân-nghĩa, không có lễ không thành; dạy-bảo, sửa-dổi phong-tục, không có lễ không đủ; xử việc phân-tranh

kiện - tụng, không có lễ không quyết; vua tôi, trên dưới, cha con, anh em, không có lễ không định; học làm quan, thờ thầy, không có lễ không thân; xếp - đặt thứ - vị trong triều, cai-trị quân lính, đi làm quan, thi-hành pháp-lệnh, không có lễ, không uy - nghiêm; cầu - khẩn tế-tự, cung-cấp quỷ-thần, không có lễ không thành-kính, không trang-chính. Bởi thế cho nên quân-tử dung-mạo phải cung, trong bụng phải kính, giữ - gìn pháp-độ, thoái-nhượng, đề làm sáng rõ lễ. » (*Lễ-ký: Khúc-lễ-thượng*).

Khổng - giáo thì chung làm việc gì cũng cần lấy đạo trung; nếu không có lễ đề làm tiêu-chuẩn cho sự hành-vi, thì biết thế nào là trung được. Vậy nên Khổng-tử nói rằng: « *Lễ hồ, lễ hồ, sở dĩ chế trung giả* 禮乎, 禮乎, 所以制中也: lễ vậy ời, lễ vậy ời, đề chữa cho vừa đạo trung vậy. » (*Lễ-ký: Ai-công-vấn, XXVIII*).

Cái chủ-dịch thứ hai này quan-hệ với cái chủ-dịch thứ nhất mật-thiết lắm, vì là các tông-chỉ Khổng-giáo không những là khiến người ta phải có tình-cảm rất tốt, rất hậu mà thôi, nhưng lại khiến những tình-cảm ấy phải điều-hòa cho hợp đạo trung. Đó là quan-niệm tối trọng-yếu trong Khổng-giáo, bởi vì người ta có giữ được tâm-tĩnh cho công-chính và làm việc gì cũng đặc kỳ trung thì mới là nhân được.

3. Cái chủ - dịch thứ ba là định lễ phải-trái, tình thân-sơ và trật-tự trên dưới cho phân - minh. Ở trong xã-hội có vua tôi, cha con, vợ chồng, có người thân kẻ sơ, có việc phải việc trái, cho nên phải có lễ đề phân-biệt cho rõ mọi lễ, khiến người ta biết đường ăn-ở cho phải đạo: « *Phù lễ giả, sở dĩ định thân sơ, quyết hiềm nghi, biệt đồng dị, minh thị phi* 夫禮者, 所以定親疎, 決嫌疑, 別同異, 明是非也: lễ là đề định thân-sơ, quyết sự hiềm-nghi, phân-biệt chỗ giống nhau khác nhau, rõ lễ phải trái. » (*Lễ-ký: Khúc-lễ-thượng, I*). Lễ là cốt đề phân ra trật-tự, khiến